

Số: /2025/TT-BGDĐT

Hà Nội, ngày tháng năm 2025

DỰ THẢO
(xin ý kiến Bộ, ngành, ĐH, HV)

THÔNG TƯ

Quy định về công tác sinh viên

Căn cứ Luật Giáo dục số.../2019/QH14 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số.../2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục đại học (sửa đổi) số.../2025/QH15;

Căn cứ Luật Giáo dục nghề nghiệp (sửa đổi) số.../2025/QH15;

Căn cứ Nghị quyết số 190/2025/QH15 quy định về xử lý một số vấn đề liên quan đến sắp xếp tổ chức bộ máy nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 37/2025/NĐ-CP ngày 26 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Học sinh, sinh viên;

Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Thông tư quy định về công tác sinh viên.

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định về nội dung công tác học sinh, sinh viên, học viên (sau đây gọi tắt là sinh viên); đánh giá kết quả rèn luyện và kỷ luật đối với sinh viên; trách nhiệm của các cơ quan, tổ chức, cá nhân trong công tác sinh viên.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

1. Thông tư này áp dụng đối với cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp (sau đây gọi chung là nhà trường); sinh viên trong nhà trường và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.

2. Nhà trường thuộc lực lượng vũ trang, trung tâm giáo dục nghề nghiệp không thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư này.

3. Sinh viên là người nước ngoài đang học tập tại Việt Nam, sinh viên là người Việt Nam đang học tập ở nước ngoài, học sinh của chương trình đào tạo sơ cấp, học viên học khóa bồi dưỡng ngắn hạn, học viên theo học chương trình giáo dục thường xuyên, học viên của cơ sở đào tạo thạc sỹ, nghiên cứu sinh không thuộc đối tượng áp dụng của Thông tư này.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Công tác sinh viên là hệ thống các hoạt động được thực hiện bảo đảm nguyên tắc, có mục đích, kế hoạch, phương pháp của chủ thể quản lý đến sinh viên nhằm bảo đảm thực hiện mục tiêu giáo dục.

2. Sinh viên nội trú là sinh viên cư trú trong khu vực do nhà trường bố trí tại khu nội trú hoặc ký túc xá (sau đây gọi chung là khu nội trú) do nhà trường quản lý.

3. Sinh viên ngoại trú là sinh viên không cư trú trong khu nội trú do nhà trường quản lý.

Điều 4. Nguyên tắc thực hiện công tác sinh viên

1. Mọi hoạt động của công tác sinh viên phải hướng đến sinh viên và được nhà trường bảo đảm điều kiện thực hiện trong quá trình sinh viên học tập và rèn luyện tại nhà trường.

2. Công tác sinh viên phải thực hiện đúng chủ trương của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước và các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; bảo đảm khách quan, công bằng, công khai, minh bạch, dân chủ, hiện đại; phát huy tối đa việc ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong thực hiện công tác sinh viên.

3. Công tác sinh viên phải được thực hiện trên cơ sở bảo đảm sự phối hợp chặt chẽ giữa nhà trường với các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan; giữa các đơn vị liên quan với tổ chức đoàn thể trong nhà trường.

Chương II

NỘI DUNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

Mục 1 - GIÁO DỤC CHÍNH TRỊ, TƯ TƯỞNG; PHÁP LUẬT; ĐẠO ĐỨC, LỐI SỐNG; THỂ CHẤT; KỸ NĂNG CHO SINH VIÊN

Điều 5. Giáo dục chính trị, tư tưởng

1. Giáo dục để sinh viên nhận thức, nắm vững và thực hiện đúng chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách pháp luật của Nhà nước; phát triển tinh thần yêu

nước, lòng tự hào, tự tôn dân tộc; có khát vọng phát triển đất nước phồn vinh, hạnh phúc; rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị, kiên quyết đấu tranh chống những quan điểm, hành động sai trái, thù địch, xuyên tạc; hình thành, phát triển ý thức lập nghiệp, có trách nhiệm đối với nhân loại, đất nước, tập thể và cộng đồng.

2. Xây dựng môi trường thuận lợi để sinh viên rèn luyện, phấn đấu trở thành công dân toàn cầu, có lý tưởng sống cao đẹp, tự tin phát huy tiềm năng, khả năng sáng tạo, tự tin hội nhập quốc tế, gia nhập tổ chức đoàn thể, các tổ chức chính trị, xã hội và Đảng Cộng sản Việt Nam.

3. Tổ chức các diễn đàn, hoạt động giáo dục đa dạng, thiết thực gắn với giáo dục chính khóa; tạo điều kiện thuận lợi cho sinh viên bày tỏ quan điểm của cá nhân; nắm bắt thông tin, xây dựng các phương pháp, hình thức, nội dung tuyên truyền, giáo dục phù hợp với thực tế của sinh viên.

Điều 6. Giáo dục pháp luật

1. Giáo dục để cho sinh viên nhận thức và nắm rõ các quy định của pháp luật, nội quy, quy chế của nhà trường, nâng cao ý thức tuân thủ pháp luật, sống, học tập và làm việc theo Hiến pháp và pháp luật.

2. Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục cho sinh viên kiến thức pháp luật, Hiến pháp, các quy định của pháp luật về quyền con người, quyền, nghĩa vụ cơ bản của công dân, quyền, trách nhiệm của sinh viên và các quy định pháp luật khác có liên quan.

3. Tổ chức diễn đàn, hội thi, hoạt động ngoại khóa đa dạng, thiết thực, phù hợp với nhu cầu và đặc điểm của sinh viên, tạo điều kiện thuận lợi để sinh viên nâng cao hiểu biết và tuân thủ, chấp hành pháp luật trong thực tiễn; tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong phổ biến, giáo dục pháp luật cho sinh viên.

Điều 7. Giáo dục đạo đức, lối sống

1. Giáo dục, bồi dưỡng để sinh viên hình thành, phát triển hệ giá trị cơ bản của công dân Việt Nam trong thời kỳ mới là yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm, kỷ luật, sáng tạo; biết sống tự chủ, nhân văn, ứng xử văn minh, tôn trọng truyền thống văn hóa của dân tộc, tiếp thu những tinh hoa của nhân loại.

2. Xây dựng hệ giá trị của sinh viên trong môi trường giáo dục thông qua việc giáo dục ý thức công dân, tinh thần thượng tôn pháp luật; trách nhiệm với bản thân, gia đình, cộng đồng và xã hội; tinh thần cống hiến, khát vọng vươn lên, lập nghiệp, khởi nghiệp; bản lĩnh chính trị, niềm tin vào con đường phát triển của đất nước; tôn trọng sự khác biệt, đề cao hợp tác, hội nhập và phát triển bền vững.

3. Tổ chức hoạt động văn hóa, nghệ thuật, thể thao và trải nghiệm xã hội nhằm phát triển nhân cách, năng lực sáng tạo và lan tỏa giá trị nhân văn trong học tập, lao động, đời sống.

Điều 8. Giáo dục thể chất

1. Giáo dục để sinh viên nhận thức đúng vai trò, tác dụng của rèn luyện thể chất, hoạt động thể dục, thể thao và chế độ dinh dưỡng hợp lý nhằm nâng cao sức khỏe và phát triển toàn diện.

2. Hướng dẫn cho sinh viên nội dung, phương pháp tập luyện thể dục, thể thao đúng cách, an toàn, hình thành thói quen tự tập luyện thường xuyên để nâng cao sức khỏe, phát triển thể chất của bản thân.

3. Tổ chức các hoạt động thể thao cho sinh viên theo quy định của pháp luật.

Điều 9. Giáo dục kỹ năng

1. Giáo dục để sinh viên có năng lực thích ứng với sự thay đổi của xã hội, công nghệ và thị trường lao động; góp phần phát triển toàn diện nhân cách, nâng cao năng lực nghề nghiệp và năng lực công dân.

2. Tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng kỹ năng số, kỹ năng phòng chống tệ nạn xã hội, kỹ năng khởi nghiệp; chú trọng phát triển các kỹ năng mềm và kỹ năng thiết yếu cho cuộc sống và nghề nghiệp như: kỹ năng giao tiếp, làm việc nhóm, giải quyết xung đột; kỹ năng quản lý thời gian, quản lý tài chính cá nhân; kỹ năng tư duy phản biện, sáng tạo, giải quyết vấn đề; kỹ năng thích ứng, chịu áp lực và giữ kỷ luật lao động; kỹ năng ngoại ngữ, liên văn hóa và hội nhập quốc tế.

3. Căn cứ đặc điểm đào tạo và nhu cầu thực tiễn để xây dựng chương trình, hoạt động giáo dục kỹ năng phù hợp, lồng ghép trong các học phần, hoạt động ngoại khóa, trải nghiệm sáng tạo và các phong trào đoàn thể, qua đó hình thành và phát triển kỹ năng một cách bền vững, hiệu quả.

Mục 2 - CÔNG TÁC HỖ TRỢ SINH VIÊN

Điều 10. Hỗ trợ học tập

1. Hỗ trợ, tư vấn giúp sinh viên trong việc xây dựng kế hoạch, phương pháp học tập phù hợp với mục tiêu và năng lực cá nhân; cung cấp thông tin về chương trình đào tạo, hướng dẫn sinh viên tiếp cận các nguồn lực trong quá trình học tập.

2. Xây dựng các mô hình, cơ chế để sinh viên được tham gia vào công tác tư vấn, hỗ trợ học tập.

Điều 11. Hỗ trợ, tư vấn nghề nghiệp, việc làm, khởi nghiệp, nghiên cứu khoa học, thi tay nghề và hội nhập quốc tế

1. Hỗ trợ, tư vấn giúp sinh viên nhận thức rõ về bản thân, thị trường lao động và các cơ hội nghề nghiệp, từ đó đưa ra các quyết định học tập và phát triển nghề nghiệp phù hợp, đồng thời khuyến khích tinh thần khởi nghiệp và hiện thực hóa các ý tưởng kinh doanh, khởi nghiệp.

2. Hỗ trợ, tư vấn giúp sinh viên có nhu cầu làm thêm để trang trải cuộc sống bảo đảm an toàn, phù hợp và góp phần tích cực cho chuyên môn đào tạo.

3. Tổ chức các hoạt động nghiên cứu khoa học, thi tay nghề của sinh viên gắn với nâng cao chất lượng đào tạo; tiếp cận và vận dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học; giải quyết một số vấn đề về khoa học mang tính thực tiễn.

4. Hỗ trợ, cung cấp, trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng và tư duy toàn cầu, đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế và đóng góp vào sự phát triển của đất nước trong bối cảnh hội nhập.

5. Thực hiện hoạt động nghiên cứu khoa học của sinh viên, công tác tư vấn nghề nghiệp; việc làm và hỗ trợ khởi nghiệp cho sinh viên theo quy định của pháp luật.

Điều 12. Hỗ trợ chăm sóc sức khỏe

1. Hỗ trợ, tư vấn cho sinh viên khi gặp các vấn đề về sức khỏe; phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tổ chức các dịch vụ tư vấn, chăm sóc sức khỏe để hỗ trợ, can thiệp cần thiết khi sinh viên gặp phải các vấn đề ảnh hưởng đến thể chất và tinh thần.

2. Hỗ trợ, tư vấn cho sinh viên về chế độ học tập, sinh hoạt, ăn uống điều độ, bảo đảm dinh dưỡng, vệ sinh, an toàn; kỹ năng phòng ngừa và bảo vệ bản thân đối với các chất ma túy; trang bị cho sinh viên kiến thức, kỹ năng chăm sóc sức khỏe, phòng chống dịch, bệnh, tai nạn thương tích và các kiến thức, kỹ năng khác về bảo vệ sức khỏe.

3. Thực hiện hướng dẫn về công tác y tế trường học trong cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định của pháp luật.

Điều 13. Tư vấn học đường và công tác xã hội trường học

1. Tư vấn, hỗ trợ nâng cao năng lực cho người học trong phòng ngừa, nhận diện khó khăn, giải quyết và tìm kiếm sự trợ giúp phù hợp để khắc phục khó khăn về học tập, sức khỏe thể chất, tinh thần và quan hệ xã hội.

2. Tư vấn, hỗ trợ, phương pháp rèn luyện kỹ năng, tăng cường ý chí, bản lĩnh, nâng cao sức khỏe thể chất và tinh thần; hình thành thái độ ứng xử phù hợp trong quan hệ xã hội, góp phần hoàn thiện nhân cách của người học.

3. Thực hiện hướng dẫn về công tác tư vấn học đường và công tác xã hội trong trường học theo quy định của pháp luật.

Điều 14. Hỗ trợ khác

1. Hướng dẫn, tạo điều kiện cho sinh viên tham gia chương trình về tín dụng sinh viên.

2. Tổ chức xét chọn, miễn giảm học phí, trao quà tặng, trao học bổng tài trợ cho sinh viên; phối hợp với các tổ chức, cá nhân tài trợ xây dựng, quản lý các quỹ học bổng, quỹ hỗ trợ sinh viên theo quy định của pháp luật.

3. Hỗ trợ, cung cấp các dịch vụ trong khu nội trú cho sinh viên.

4. Hỗ trợ, giới thiệu chỗ ở bảo đảm điều kiện về diện tích nhà ở tối thiểu, bảo đảm an ninh trật tự, an toàn và vệ sinh môi trường cho sinh viên theo quy định của pháp luật.

5. Hỗ trợ cho sinh viên sử dụng các dịch vụ nhà ăn, căng tin, trông giữ phương tiện, sân chơi, bãi tập, nhà văn hóa, trạm y tế, điện, nước sạch sinh hoạt và các dịch vụ khác đáp ứng nhu cầu cơ bản, tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập và rèn luyện, nâng cao đời sống cho sinh viên.

6. Phổ biến, hướng dẫn và tư vấn thủ tục đăng ký tạm trú, gia hạn tạm trú, thủ tục nghĩa vụ quân sự, cấp đổi giấy phép lái xe và các thủ tục cần thiết khác gắn với sinh viên theo quy định của pháp luật.

Mục 3 - CÔNG TÁC QUẢN LÝ SINH VIÊN

Điều 15. Tổ chức, hành chính

1. Tổ chức tiếp nhận thí sinh trúng tuyển, sắp xếp sinh viên vào các lớp; chỉ định Ban Cán sự lâm thời lớp sinh viên; cấp thẻ cho sinh viên.

2. Quản lý, lưu trữ hồ sơ liên quan của sinh viên theo quy định của pháp luật.

3. Giải quyết xác nhận, tổ chức cấp các giấy tờ, thủ tục hành chính đối với sinh viên theo quy định của pháp luật.

4. Xây dựng, triển khai thực hiện kế hoạch giai đoạn, kế hoạch hằng năm về công tác sinh viên.

Điều 16. Đánh giá sinh viên

1. Theo dõi, tổ chức đánh giá, xếp loại sinh viên theo quy định của pháp luật.

2. Thực hiện công tác đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên theo quy định tại Mục 1 Chương III Thông tư này.

3. Thực hiện công tác khen thưởng theo quy định về thi đua khen thưởng ngành Giáo dục và xử lý kỷ luật sinh viên theo quy định tại Mục 2 Chương III Thông tư này.

4. Thực hiện các quy chế, quy định đối với sinh viên.

Điều 17. Quản lý sinh viên nội trú

1. Phân công người trực 24/24 giờ để giải quyết kịp thời các sự vụ liên quan đến sinh viên trong khu nội trú; thường xuyên kiểm tra việc thực hiện nội quy, quy chế, quy định của sinh viên nội trú và xử lý các vi phạm (nếu có);

2. Tổ chức các hoạt động tự quản để sinh viên phát huy vai trò chủ động, trách nhiệm với bản thân, biết tôn trọng tập thể; khen thưởng sinh viên nội trú có nhiều thành tích đóng góp cho hoạt động ở khu nội trú;

4. Thiết lập kênh thông tin liên lạc giữa đơn vị phụ trách khu nội trú với sinh viên và gia đình sinh viên để nắm bắt tình hình và kịp thời xử lý các vụ việc xảy ra liên quan trong khu nội trú;

5. Xây dựng, tổ chức các phong trào thi đua trong khu nội trú về bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn, vệ sinh môi trường, phòng chống dịch bệnh, mỹ quan trong phòng ở, khu nội trú;

6. Định kỳ hằng năm, tổ chức đối thoại trực tiếp với sinh viên nội trú để nắm bắt tình hình, tâm tư, nguyện vọng và xử lý kịp thời các ý kiến, nguyện vọng liên quan đến quyền, lợi ích chính đáng của sinh viên nội trú.

Điều 18. Quản lý sinh viên ngoại trú

1. Xây dựng kế hoạch hằng năm để triển khai thực hiện công tác phối hợp với cơ quan chức năng của địa phương trong quản lý và hỗ trợ sinh viên ngoại trú;

2. Lập kênh thông tin giữa nhà trường, chính quyền địa phương, gia đình, chủ nhà trọ trên địa bàn trong công tác quản lý, hỗ trợ sinh viên ngoại trú.

3. Cập nhật kịp thời việc thay đổi nơi cư trú của sinh viên ngoại trú; hướng dẫn hỗ trợ cho sinh viên làm thủ tục đăng ký tạm trú, gia hạn tạm trú với công an cấp xã theo quy định của pháp luật.

4. Phối hợp với công an cấp xã trong công tác quản lý, bảo đảm an ninh, trật tự, an toàn cho sinh viên ngoại trú; giải quyết kịp thời các vụ việc liên quan đến sinh viên ngoại trú và tổ chức tổng kết công tác sinh viên ngoại trú hằng năm.

5. Phối hợp với công an cấp xã và các cơ quan liên quan của địa phương trong công tác quản lý cư trú, kết nối cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư phục vụ cho công tác quản lý, theo dõi và cập nhật kịp thời việc thay đổi nơi cư trú của sinh viên ngoại trú.

6. Cung cấp số điện thoại của người phụ trách công tác ngoại trú để sinh viên kịp thời phản ánh những thông tin cần thiết có liên quan đến nhà trường.

Điều 19. Bảo đảm an ninh trật tự, an toàn trường học

1. Xây dựng, ban hành và thực hiện nội quy, quy định, chương trình, kế hoạch và báo cáo tình hình thực hiện các văn bản chỉ đạo về công tác bảo đảm an ninh trật tự, an toàn trường học trong sinh viên theo quy định của pháp luật.

2. Thường xuyên theo dõi, nắm bắt tình hình của sinh viên để có biện pháp quản lý, tuyên truyền, giáo dục, xử lý kịp thời hoặc phối hợp với cơ quan chức năng để chủ động phòng ngừa, xử lý kịp thời các vụ việc về an ninh trật tự, an toàn trường học theo quy định của pháp luật.

Điều 20. Thực hiện chế độ, chính sách đối với sinh viên

1. Hướng dẫn sinh viên thực hiện các chế độ, chính sách của Nhà nước liên quan đến sinh viên.

2. Theo dõi, tổng hợp và giải quyết việc thực hiện các chế độ, chính sách liên quan đến sinh viên theo quy định của pháp luật.

Chương III

ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN, KỶ LUẬT ĐỐI VỚI SINH VIÊN

Mục 1 - ĐÁNH GIÁ KẾT QUẢ RÈN LUYỆN ĐỐI VỚI SINH VIÊN

Điều 21. Nội dung, thang điểm và tiêu chí

Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên là đánh giá về trách nhiệm, thái độ rèn luyện phẩm chất của sinh viên. Điểm đánh giá tính theo thang điểm 100. Nội dung đánh giá và khung điểm được thực hiện như sau:

1. Trách nhiệm chấp hành pháp luật và nội quy, quy chế của nhà trường: Tối đa 25 điểm

a) Trách nhiệm chấp hành các quy định của pháp luật đối với công dân, các văn bản chỉ đạo của Bộ, ngành, của cơ quan quản lý thực hiện trong nhà trường;

b) Trách nhiệm chấp hành các nội quy, quy chế và các quy định khác của nhà trường.

2. Trách nhiệm, thái độ trong học tập: Tối đa 20 điểm

a) Trách nhiệm và thái độ tham gia các hoạt động học tập, hoạt động ngoại khóa, hoạt động nghiên cứu khoa học;

b) Trách nhiệm và thái độ tham gia các kỳ thi, cuộc thi;

c) Tinh thần vượt khó, phấn đấu vươn lên trong học tập.

3. Trách nhiệm tham gia các hoạt động chính trị - xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao, phòng chống tội phạm, tệ nạn xã hội: Tối đa 20 điểm

a) Trách nhiệm và hiệu quả tham gia các hoạt động rèn luyện về chính trị, xã hội, văn hóa, văn nghệ, thể thao. Sinh viên là người khuyết tật được đánh giá rạch nhiệm tham gia các hoạt động tùy theo tình trạng sức khỏe phù hợp, đảm bảo sự công bằng trong từng trường hợp cụ thể;

b) Trách nhiệm tham gia các hoạt động công ích, tình nguyện, công tác xã hội;

c) Tham gia tuyên truyền, phòng chống tội phạm và các tệ nạn xã hội.

4. Trách nhiệm công dân trong quan hệ cộng đồng: Tối đa 15 điểm

a) Tham gia tuyên truyền các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước trong cộng đồng;

b) Trách nhiệm tham gia các hoạt động xã hội có thành tích được ghi nhận, biểu dương, khen thưởng.

5. Trách nhiệm và kết quả tham gia công tác cán bộ lớp, công tác đoàn thể, các tổ chức khác của nhà trường hoặc có thành tích xuất sắc trong học tập, rèn luyện được cơ quan có thẩm quyền khen thưởng: Tối đa 20 điểm

a) Trách nhiệm, tinh thần, thái độ, uy tín, kỹ năng tổ chức và hiệu quả công việc của sinh viên được phân công nhiệm vụ quản lý lớp, các tổ chức Đảng, Đoàn Thanh niên, Hội Sinh viên và các tổ chức khác của sinh viên trong nhà trường;

b) Hỗ trợ và tham gia tích cực vào các hoạt động chung của lớp, khoa và nhà trường;

c) Có thành tích trong nghiên cứu khoa học, tham gia các cuộc thi, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hoạt động khởi nghiệp và các cuộc thi, hoạt động khác dành cho sinh viên được nhà trường hoặc các cơ quan có thẩm quyền khen thưởng

Điều 22. Đánh giá, xếp loại

1. Người đứng đầu nhà trường (sau đây gọi chung là Hiệu trưởng) quyết định thành lập Hội đồng đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên.

2. Nhà trường ban hành quy định chi tiết về hình thức, quy trình, nội dung, thang điểm và tiêu chí đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên đối với từng loại hình và hình thức đào tạo.

3. Phân loại kết quả rèn luyện của sinh viên

a) Kết quả rèn luyện của sinh viên được phân thành 05 loại:

- Loại xuất sắc: Từ 90 đến 100 điểm;
- Loại tốt: Từ 80 đến dưới 90 điểm;
- Loại khá: Từ 70 đến dưới 80 điểm;
- Loại trung bình: Từ 50 đến dưới 70 điểm;
- Loại yếu: Dưới 50 điểm;

b) Sinh viên bị kỷ luật hình thức khiển trách thì kết quả rèn luyện không vượt quá loại khá, bị kỷ luật từ hình thức cảnh cáo trở lên thì kết quả rèn luyện không vượt quá loại trung bình;

c) Sinh viên bị kỷ luật mức đình chỉ học tập không được đánh giá rèn luyện trong thời gian bị đình chỉ; bị kỷ luật mức buộc thôi học không được đánh giá kết quả rèn luyện;

d) Sinh viên nghỉ học tạm thời được bảo lưu kết quả rèn luyện sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện khi tiếp tục trở lại học tập. Sinh viên hoàn thành chương trình học và tốt nghiệp chậm so với quy định của khóa học thì tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện trong thời gian đang hoàn thành bổ sung chương trình học và tốt nghiệp, tùy thuộc vào nguyên nhân để quy định mức đánh giá rèn luyện tại kỳ bổ sung;

e) Sinh viên đồng thời học hai chương trình đào tạo sẽ được đánh giá kết quả rèn luyện tại đơn vị quản lý chương trình thứ nhất và lấy ý kiến nhận xét của đơn vị quản lý chương trình thứ hai làm căn cứ, cơ sở để đánh giá thêm. Trường hợp chương trình thứ nhất đã hoàn thành thì đơn vị quản lý chương trình thứ hai sẽ tiếp tục được đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên;

g) Sinh viên chuyển trường được bảo lưu kết quả rèn luyện ở trường cũ và tiếp tục đánh giá kết quả rèn luyện ở trường mới. Sinh viên chuyển trường từ nước ngoài về sẽ chỉ thực hiện đánh giá kết quả rèn luyện với các kỳ học tại Việt Nam và bảo lưu đánh giá ở trường cũ (nếu có);

h) Sinh viên tham gia trao đổi với cơ sở giáo dục ở nước ngoài do nhà trường cử đi với thời gian từ $\frac{1}{2}$ học kỳ trở lên sẽ đánh giá kết quả rèn luyện theo quy định của nhà trường với cơ sở giáo dục nước ngoài.

4. Kết quả rèn luyện của sinh viên phải được thông báo cho sinh viên ít nhất 10 ngày trước khi ban hành quyết định kết quả rèn luyện. Trong trường hợp không nhất trí với kết quả rèn luyện đã được thông báo, sinh viên có thể kiến nghị đến bộ phận thông báo kết quả rèn luyện để xem xét giải quyết.

5. Thời gian đánh giá và cách tính điểm

a) Đánh giá kết quả rèn luyện của sinh viên được tiến hành định kỳ và toàn khóa học;

b) Điểm rèn luyện của sinh viên trong kỳ học là tổng số điểm đạt được theo các tiêu chí, nội dung đánh giá quy định. Điểm rèn luyện của năm học là trung bình cộng của điểm rèn luyện các kỳ học trong năm học đó. Điểm rèn luyện toàn khóa học là trung bình cộng của điểm rèn luyện của các năm học.

6. Sử dụng kết quả

a) Kết quả rèn luyện toàn khóa học của sinh viên được lưu trong hồ sơ quản lý tại nhà trường và thể hiện ở bảng điểm kết quả học tập khi kết thúc khóa học;

b) Kết quả rèn luyện được sử dụng để xét, cấp học bổng khuyến khích học tập và các chế độ khác liên quan đến quyền lợi của sinh viên;

c) Kết quả rèn luyện xuất sắc được nhà trường xem xét biểu dương, khen thưởng.

MỤC 2 - KỶ LUẬT ĐỐI VỚI SINH VIÊN

Điều 23. Nguyên tắc xử lý kỷ luật

1. Giáo dục, phòng ngừa, ngăn chặn và xử lý các hành vi vi phạm nội quy, quy định của nhà trường, quy định của pháp luật; giáo dục, giúp đỡ để sinh viên tự giác điều chỉnh hành vi, sửa chữa khuyết điểm, thay đổi nhận thức, tự giác rèn luyện để tiến bộ; tăng tính chủ động, tích cực trong thực hiện quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của sinh viên đối với bản thân, nhà trường và xã hội; góp phần giữ vững kỷ cương, nề nếp trong nhà trường.

2. Khách quan, công khai, minh bạch, nghiêm minh, đúng pháp luật và có tính giáo dục; không xâm phạm thân thể, tinh thần, danh dự, nhân phẩm của sinh viên trong quá trình xử lý kỷ luật đối với sinh viên.

3. Mỗi hành vi vi phạm chỉ bị xử lý một lần bằng một hình thức kỷ luật. Trong cùng một thời điểm xem xét xử lý kỷ luật, nếu sinh viên có nhiều hành vi vi phạm kỷ luật thì bị xử lý kỷ luật về từng hành vi vi phạm và chịu hình thức kỷ

luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật áp dụng đối với hành vi vi phạm nặng nhất, trừ trường hợp bị xử lý kỷ luật bằng hình thức buộc thôi học.

4. Chưa tổ chức xem xét kỷ luật đối với sinh viên đang trong thời gian nghỉ điều trị bệnh; nghỉ học được sự đồng ý của nhà trường; chờ kết quả của cơ quan có thẩm quyền điều tra, xác minh hành vi vi phạm pháp luật.

5. Việc xem xét kỷ luật phải căn cứ vào nội dung, tính chất, mức độ, tác hại của hành vi vi phạm, nguyên nhân vi phạm; các chứng cứ thu nhận được; thái độ hối lỗi và sửa chữa vi phạm, khắc phục hậu quả đã gây ra. Sinh viên bị xem xét kỷ luật được tham dự họp xét kỷ luật, được tự mình hoặc nhờ người khác bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bản thân.

6. Sinh viên đang trong thời gian thi hành quyết định kỷ luật mà tiếp tục có hành vi vi phạm thì bị áp dụng hình thức kỷ luật như sau:

a) Nếu có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật ở hình thức nhẹ hơn hoặc bằng so với hình thức kỷ luật đang thi hành thì áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật đang thi hành;

b) Nếu có hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật ở hình thức nặng hơn so với hình thức kỷ luật đang thi hành thì áp dụng hình thức kỷ luật nặng hơn một mức so với hình thức kỷ luật áp dụng đối với hành vi vi phạm kỷ luật mới.

7. Không xem xét kỷ luật theo quy định tại thông tư này đối với học sinh đang theo học chương trình giáo dục phổ thông.

Điều 24. Hành vi vi phạm bị xử lý kỷ luật

1. Sinh viên có hành vi sau đây thì bị xem xét xử lý kỷ luật:

a) Các hành vi người học không được làm quy định tại Luật Giáo dục đại học và các hành vi bị nghiêm cấm trong cơ sở giáo dục quy định tại Luật Giáo dục;

b) Các hành vi vi phạm điều lệ, nội quy, quy chế, quy tắc của nhà trường;

c) Các hành vi vi phạm pháp luật khác.

2. Mức độ của hành vi vi phạm được xác định như sau:

a) Vi phạm ít nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ tác hại không lớn, tác động trong phạm vi của một lớp;

b) Vi phạm nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại lớn, tác động trong phạm vi nhiều lớp, khoa của nhà trường, gây dư luận xấu trong nhà trường hoặc ngoài nhà trường;

c) Vi phạm rất nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại rất lớn, phạm vi tác động ngoài nhà trường, gây dư luận bức xúc trong tập thể nhà giáo,

cán bộ quản lý, viên chức, nhân viên, sinh viên của cơ sở giáo dục, làm ảnh hưởng đến uy tín của nhà trường;

d) Vi phạm đặc biệt nghiêm trọng là vi phạm có tính chất, mức độ, tác hại đặc biệt lớn, phạm vi tác động đến toàn xã hội, gây dư luận rất bức xúc trong tập thể nhà giáo, cán bộ quản lý, viên chức, nhân viên, sinh viên của cơ sở giáo dục, làm ảnh hưởng lớn đến uy tín của nhà trường.

Điều 25. Hình thức kỷ luật

1. Khiển trách.
2. Cảnh cáo.
3. Đình chỉ học tập có thời hạn.
4. Buộc thôi học.

Điều 26. Áp dụng hình thức kỷ luật

Sinh viên có hành vi vi phạm quy định tại Điều 24 của Thông tư này, tùy theo tính chất, mức độ và hậu quả của hành vi vi phạm, có thể bị áp dụng một trong các hình thức kỷ luật sau đây:

1. Khiển trách đối với sinh viên có hành vi vi phạm ít nghiêm trọng.
2. Cảnh cáo đối với sinh viên đang bị xử lý kỷ luật bằng hình thức khiển trách mà tái phạm hoặc có hành vi vi phạm lần đầu nhưng nghiêm trọng.
3. Đình chỉ học tập có thời hạn đối với sinh viên đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo mà tái phạm hoặc có hành vi vi phạm lần đầu nhưng rất nghiêm trọng.
4. Buộc thôi học đối với sinh viên đã bị xử lý kỷ luật bằng hình thức đình chỉ học tập có thời hạn mà tái phạm hoặc có hành vi vi phạm lần đầu nhưng đặc biệt nghiêm trọng.

Điều 27. Trình tự và hồ sơ xử lý kỷ luật

1. Trình tự xử lý kỷ luật

a) Sinh viên có hành vi vi phạm phải làm bản tự kiểm điểm và tự nhận hình thức kỷ luật.

b) Cá nhân được giao phụ trách công tác sinh viên chủ trì họp với ban cán sự lớp, phân tích và thống nhất đề nghị hình thức kỷ luật gửi đơn vị phụ trách công tác sinh viên.

c) Đơn vị phụ trách công tác sinh viên tổ chức họp, xem xét và có văn bản báo cáo Hiệu trưởng đề nghị xem xét quyết định thành lập Hội đồng kỷ luật sinh viên của nhà trường.

d) Chậm nhất sau 10 ngày, kể từ ngày được thành lập, Hội đồng kỷ luật phải tổ chức họp để xét kỷ luật, thành phần tham gia dự họp bao gồm các thành viên của Hội đồng kỷ luật sinh viên của nhà trường, đại diện tập thể lớp có sinh viên vi phạm, sinh viên có hành vi vi phạm, đại diện của các cơ quan, đơn vị và cá nhân khác có liên quan.

Sinh viên vi phạm đã được mời mà không đến dự họp, không có lý do chính đáng hoặc không có bản tự kiểm điểm thì Hội đồng kỷ luật vẫn tiến hành họp và xét thêm khuyết điểm thiếu ý thức tổ chức kỷ luật của sinh viên. Hội đồng kỷ luật xem xét, bỏ phiếu kín, kiến nghị áp dụng hình thức kỷ luật, đề nghị Hiệu trưởng xem xét việc ra quyết định kỷ luật. Chỉ các thành viên Hội đồng kỷ luật sinh viên của nhà trường có quyền bỏ phiếu.

2. Hồ sơ xử lý kỷ luật

- a) Bản tự kiểm điểm của sinh viên có hành vi vi phạm.
- b) Biên bản họp kiểm điểm sinh viên có hành vi vi phạm.
- c) Văn bản đề nghị của đơn vị phụ trách công tác sinh viên.
- d) Các tài liệu khác có liên quan.

3. Sinh viên vi phạm điều lệ, nội quy, quy chế, quy tắc của nhà trường hoặc vi phạm pháp luật đã có quy định cụ thể về hình thức kỷ luật thì Hiệu trưởng xem xét dựa trên chứng cứ, quy định cụ thể về hình thức kỷ luật để ra quyết định kỷ luật mà không phải thực hiện theo trình tự, thủ tục và hồ sơ xử lý kỷ luật quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều này.

Điều 28. Hội đồng kỷ luật sinh viên của nhà trường

1. Hội đồng kỷ luật sinh viên của nhà trường

- a) Chủ tịch Hội đồng là Hiệu trưởng nhà trường hoặc Phó Hiệu trưởng nhà trường được Hiệu trưởng nhà trường ủy quyền.
- b) Thường trực Hội đồng là Thủ trưởng đơn vị phụ trách công tác sinh viên của nhà trường.

c) Các ủy viên Hội đồng gồm những người được giao phụ trách sinh viên bị xem xét kỷ luật; đại diện Đoàn Thanh niên Cộng sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên nhà trường và các cơ quan, đơn vị có liên quan.

2. Hội đồng kỷ luật sinh viên của nhà trường do Hiệu trưởng quyết định thành lập để xét kỷ luật đối với từng sinh viên vi phạm và tự giải thể sau khi hoàn thành nhiệm vụ.

Điều 29. Thời hiệu, hiệu lực của quyết định kỷ luật

1. Thời hiệu xử lý kỷ luật là 01 năm đối với hành vi vi phạm ít nghiêm trọng đến mức phải kỷ luật bằng hình thức khiển trách; không áp dụng thời hiệu xử lý kỷ luật đối với các hành vi vi phạm đến mức phải kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo trở lên.

2. Sau 03 tháng kể từ ngày quyết định kỷ luật bằng hình thức khiển trách được ban hành mà sinh viên không có hành vi vi phạm đến mức bị xử lý kỷ luật thì quyết định kỷ luật đương nhiên chấm dứt hiệu lực.

3. Sau 06 tháng kể từ ngày quyết định kỷ luật bằng hình thức cảnh cáo được ban hành mà sinh viên không có hành vi vi phạm đến mức bị xử lý kỷ luật thì quyết định kỷ luật đương nhiên chấm dứt hiệu lực.

4. Khi hết thời hạn đình chỉ đối với hình thức kỷ luật đình chỉ học tập có thời hạn mà sinh viên không có các hành vi vi phạm đến mức độ bị xử lý kỷ luật thì sinh viên được Hiệu trưởng nhà trường quyết định về việc tiếp nhận lại sinh viên.

5. Quyết định kỷ luật sinh viên phải ghi cụ thể hình thức, thời hạn, lý do sinh viên bị thi hành kỷ luật và các quyền lợi mà sinh viên bị kỷ luật không được hưởng trong thời gian bị kỷ luật. Thời hạn cụ thể tính từ thời điểm ban hành quyết định kỷ luật đến thời điểm hết thời hạn bị kỷ luật.

Chương IV

TRÁCH NHIỆM CỦA CƠ QUAN, TỔ CHỨC, CÁ NHÂN TRONG CÔNG TÁC SINH VIÊN

Điều 30. Trách nhiệm của cơ quan chủ quản nhà trường hoặc của chủ sở hữu nhà trường

1. Chỉ đạo nhà trường trong phạm vi quản lý thực hiện Thông tư này và bố trí các nguồn lực cần thiết triển khai công tác sinh viên của nhà trường theo quy định của pháp luật.

2. Các đại học quốc gia, đại học vùng, đại học theo chức năng, nhiệm vụ có trách nhiệm xây dựng, ban hành văn bản về công tác sinh viên và chỉ đạo thực hiện thống nhất trong các đơn vị thành viên, đơn vị trực thuộc.

Điều 31. Trách nhiệm của nhà trường

1. Căn cứ quy định của Thông tư này và các văn bản quy phạm pháp luật khác có liên quan, nhà trường ban hành các văn bản cần thiết triển khai thực hiện. Căn cứ điều kiện thực tế, nhà trường quy định việc định kỳ đánh giá kết quả rèn luyện đối với sinh viên.

2. Chủ động xây dựng kế hoạch thực hiện công tác sinh viên và bố trí nguồn lực bảo đảm cho công tác sinh viên.

3. Chủ động phối hợp với các tổ chức đoàn thể, gia đình sinh viên, các cơ quan có liên quan để tổ chức thực hiện công tác sinh viên.

4. Cung cấp thông tin đầy đủ, chính xác, kịp thời cho sinh viên trong quá trình học tập, rèn luyện.

5. Hằng năm, tổ chức thanh tra, kiểm tra, đánh giá, sơ kết, tổng kết công tác sinh viên theo quy định tại khoản 6 Điều này.

6. Đánh giá thực hiện công tác sinh viên

a) Đánh giá công tác sinh viên của nhà trường được thực hiện theo 04 nhóm tiêu chí và tính theo thang điểm 100, điểm thưởng tối đa 10 điểm dành cho việc ứng dụng công nghệ thông tin và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong công tác sinh viên. Khung điểm cụ thể:

- Giáo dục sinh viên về chính trị, tư tưởng; pháp luật; đạo đức, lối sống; rèn luyện thể chất; kỹ năng (30 điểm).

- Công tác tư vấn, hỗ trợ sinh viên (30 điểm).

- Công tác quản lý sinh viên (40 điểm).

- Ứng dụng công nghệ thông tin và ứng dụng trí tuệ nhân tạo (AI) trong công tác sinh viên (10 điểm).

b) Đánh giá, xếp loại

- Tổ chức đánh giá, xếp loại công tác sinh viên, hoàn thành trước ngày 30 tháng 8 hàng năm.

- Xếp loại công tác sinh viên căn cứ vào tổng số điểm đạt được của toàn bộ các nội dung đánh giá và được xếp theo 05 loại: Loại xuất sắc: Có tổng số điểm từ 90 điểm trở lên; Loại tốt: Có tổng số điểm từ 80 đến dưới 90 điểm; Loại khá:

Có tổng số điểm từ 70 đến dưới 80 điểm; Loại trung bình: Có tổng số điểm từ 50 đến dưới 70 điểm; Loại chưa đạt: Có tổng số điểm dưới 50 điểm.

- Sử dụng kết quả đánh giá, xếp loại: Kết quả đánh giá, xếp loại công tác sinh viên được công khai trên trang thông tin điện tử của nhà trường. Kết quả đánh giá, xếp loại công tác sinh viên là căn cứ để nhà trường xem xét, đánh giá hằng năm và tổ chức khen thưởng đối với các đơn vị; để tham khảo trong công tác kiểm định, đánh giá chất lượng giáo dục nhà trường.

Điều 32. Trách nhiệm của Hiệu trưởng

1. Hiệu trưởng chịu trách nhiệm toàn diện triển khai các nội dung quy định về công tác sinh viên; đánh giá công tác sinh viên; chỉ đạo, tổ chức quản lý các hoạt động; bố trí các nguồn lực nhằm bảo đảm thực hiện tốt các nội dung về công tác sinh viên.

2. Quy định chức năng, nhiệm vụ của các đơn vị, tổ chức đoàn thể tham gia công tác sinh viên của nhà trường; giao đơn vị phụ trách công tác sinh viên làm đầu mối, chủ trì tham mưu, tổng hợp giúp Hiệu trưởng triển khai công tác sinh viên của nhà trường.

3. Ban hành các văn bản triển khai thực hiện về công tác sinh viên nội trú, ngoại trú; đánh giá kết quả rèn luyện đối với sinh viên; khen thưởng, kỷ luật sinh viên; văn hóa ứng xử; công tác của người được giao phụ trách công tác sinh viên; chế độ ưu tiên cho ban cán sự lớp; cán bộ Đoàn Thanh niên Công sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên; chế độ cho sinh viên đạt thành tích trong các cuộc thi, kỳ thi và các nội dung có liên quan khác.

4. Ban hành kế hoạch và tổ chức thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, các quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của địa phương về công tác sinh viên; tạo điều kiện cho sinh viên thực hiện đầy đủ quyền và nhiệm vụ của mình.

5. Hằng năm, chỉ đạo, tổ chức đối thoại với sinh viên để cung cấp thông tin cần thiết, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng và giải quyết kịp thời những thắc mắc, nhu cầu chính đáng của sinh viên.

6. Phát huy hiệu quả vai trò, trách nhiệm và sự tham gia của Đoàn Thanh niên Công sản Hồ Chí Minh, Hội Sinh viên trong công tác sinh viên của nhà trường.

7. Quyết định sự tham gia của sinh viên bảo đảm tính đại diện cho nhà trường khi có sự huy động của địa phương, các cấp, các ngành hoặc các tổ chức khác.

8. Hằng năm, tổ chức tập huấn cho đội ngũ tham mưu, thực hiện công tác sinh viên của nhà trường.

Điều 33. Trách nhiệm của tập thể, cá nhân thực hiện công tác sinh viên

1. Đơn vị phụ trách công tác sinh viên của nhà trường chịu trách nhiệm trước Hiệu trưởng nhà trường trong việc tham mưu, tổ chức thực hiện công tác sinh viên của nhà trường.

2. Các đơn vị, tổ chức đoàn thể tham gia công tác sinh viên của nhà trường có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác sinh viên theo phân công của Hiệu trưởng nhà trường.

3. Cá nhân được giao phụ trách và thực hiện công tác sinh viên có trách nhiệm thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác sinh viên của nhà trường.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 34. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày ... tháng ... năm 2026.

2. Thông tư này thay thế Quyết định số 42/2007/QĐ-BGDĐT ngày 13 tháng 8 năm 2007 ban hành Quy chế học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng hệ chính quy; Thông tư số 09/2010/TT-BGDĐT ngày 10 tháng 03 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế học viên các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp hình thức vừa làm vừa học; Thông tư số 10/2016/TT-BGDĐT ngày 05 tháng 4 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế công tác sinh viên đối với chương trình đào tạo đại học hệ chính quy; Thông tư số 17/2017/TT-BLĐT BXH ngày 30 tháng 6 năm 2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội Ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên trong trường trung cấp, trường cao đẳng; Quyết định số 60/2007/QĐ-BGDĐT ngày 16 tháng 10 năm 2007 ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của học sinh, sinh viên các cơ sở giáo dục đại học và trường trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy; Thông tư số 16/2015/TT-BGDĐT ngày 12 tháng 8 năm 2015 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy chế đánh giá kết quả rèn luyện của người học được đào tạo trình độ đại học hệ chính quy; Thông tư số 39/2010/TT-BGDĐT ngày 23 tháng 12 năm 2010 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Quy định đánh giá công tác sinh viên của các trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp; Thông tư số 27/2009/TT-BGDĐT ngày 19 tháng 10 năm 2009 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế ngoại trú của học sinh, sinh viên các trường đại học, cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp hệ chính quy.

3. Thông tư này thay thế Điều 1 khoản 2 Quy chế công tác học sinh, sinh viên nội trú tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân ban hành kèm theo Thông tư số 27/2011/TT-BGDĐT ngày 17 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo Ban hành Quy chế công tác học sinh, sinh viên nội trú tại các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân, thành “2. Quy chế này áp dụng đối với học sinh ở trong khu nội trú của các cơ sở giáo dục phổ thông, giáo dục thường xuyên, (sau đây gọi chung là nhà trường); các tổ chức và cá nhân có liên quan.”

Điều 35. Trách nhiệm thi hành

Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo; Giám đốc đại học, học viện; Hiệu trưởng nhà trường; các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này./.

Nơi nhận:

- Văn phòng Chính phủ;
- Ủy ban Văn hóa - Xã hội của Quốc hội;
- Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- UBND các tỉnh, thành phố;
- Kiểm toán Nhà nước;
- UBTW MTTQ Việt Nam;
- Trung ương Đoàn TNCS Hồ Chí Minh;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Ủy ban quốc gia Đổi mới GDĐT;
- Hội đồng QGGDPTNNL;
- Như **Điều 35**;
- Công báo và Cổng TTĐT của Chính phủ, Bộ GDĐT;
- Lưu VT, Vụ PC, Vụ HSSV.

BỘ TRƯỞNG